



náng zhōng

囊 中

noun phrase (location) · in the bag; in one's pocket

Example Sentences

Tā náng zhōng xiū sè mǎi bù qǐ zhè běn shū.
他 囊 中 羞 涩，买 不 起 这 本 书。

He is short of money and can't afford this book.

Náng zhōng zhǐ yǒu jǐ kuài qián tā zhǐ hǎo zǒu lù huí jiā.
囊 中 只 有 几 块 钱，他 只 好 走 路 回 家。

With only a few yuan in his pocket, he had to walk home.

Trace each character, then write the word on your own.

囊	囊	囊	囊	囊	囊	囊	囊	囊	囊	囊
囊	囊	囊	囊	囊	囊	囊	囊	囊	囊	囊
囊	囊	囊								
中	中	中	中	中	中	中				